TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B T THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2024/HS-ST
Ngày: 28- 6- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B T – THÀNH PHỐ H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn X Tín
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Vương Tấn Độ
Ông Nguyễn Thị Hồng Bạch
- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận B T, Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B T, Thành phố H mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 77/2024/TLST-HS, ngày 19 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

H M H, sinh năm 2000, tại H N; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố VT, thị trấn V, huyện L N, tỉnh H N; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Công giáo; giới tính: Nam; con ông không rõ và bà H T L, sinh năm 1984; hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên N T P T, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà D T B N, sinh năm 1983; Trú tại: Số 45/23 đường HHN, phường 11, quận 6, thành phố H (Vắng mặt);

2/Bà N T P L, sinh năm 1980; Trú tại: Số 100/6 đường T P P, phường BTĐ, quận B T, Thành phố H(Vắng mặt);

3/Bà P T T X, sinh năm; Trú tại: Số 45/23 đường HHN, phường 11, quận 6, thành phố H (Vắng mặt);

4/Bà P T B Đ, sinh năm 1977; Trú tại: Số 1767 đường TL10, phường TTA, quận B T, Thành phố H(Vắng mặt).

5/Ông T N Đ, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn MT, xã PC, huyện ĐP, tỉnh Q N(Vắng mặt).

6/Ông H H K, sinh năm 1983; Trú tại: Số 760 đường QL1A, phường BHH, quận B T, Thành phố H(Vắng mặt).

7/Bà Đ T N, sinh năm 1994; Trú tại: Số 18 đường số 4, khu Z756, phường 12, quận 10, Thành phố H(Vắng mặt).

8/Bà H T T T, sinh năm 1998; Trú tại: Khu dân cư 21, xóm D, xã Đ L, huyện M Đ, tỉnh Q N (Vắng mặt).

9/Ông N N S, 2000; Trú tại: Khóm 2 phường 8, Thành phố B L, tỉnh B L(Vắng mặt).

10/Bà N T K T, sinh năm 1993; Trú tại: Số 365/36/104 đường H G, phường 11, quận 6, Thành phố H(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 22/9/2023 Công an phường BTĐA phối hợp với Đội Cảnh sát Hình sự - Công an quận B T kiểm tra địa chỉ nhà số 759/5/18 HL2, phường BTĐA, quận B T, TP. H phát hiện H M H đang ở tại đây, trong nhà phát hiện một số tờ rơi nghi vấn cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cơ quan điều tra đã tiến hành mời H về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc H khai nhận có cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao cụ thể như sau:

1. Người vay D T B N:

Vào ngày 13/9/2023 chị N vay H số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày thu gốc và lãi số tiền 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 416.667 đồng, tiền lãi là 83.333 đồng), thu trước 02 ngày số tiền 1.000.000 đồng, thu phí 500.000 đồng. Số tiền đã thu 10 ngày là 5.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu của 10 ngày là 833.333 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự là 54.795 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (833.333 đồng – 54.795 đồng = 778.535 đồng + 500.000 đồng phí = 1.278.535 đồng, số tiền thu lợi bất chính là **1.278.535 đồng**. Số tiền gốc còn lại chị N chưa trả cho H là 14 ngày x 416,667 đồng = 5.833.338 đồng.

Như vậy, H cho chị N vay với lãi suất là 25%/tháng, sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.666%/tháng thì còn 23,334%/tháng, căn cứ Điều 201 Bộ luật Hình sự thì mức lãi suất trên đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự là 8,33%/tháng, mức lãi suất mà H cho vay đối với chị N vượt quá 16.67%/tháng.

2. Người vay N T P L:

Vào ngày 23/3/2023 chị L vay H số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, thu mỗi ngày 2.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 1.666.666 đồng và tiền lãi là 333.333 đồng), số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 60.000.000 đồng, H thu trước 02 ngày số tiền 4.000.000 đồng, thu phí 1.500.000 đồng. Đã thu đủ số tiền 60.000.000 đồng, trong đó tiền lãi của 30 ngày là

10.000.000 đồng - 821.918 đồng tiền lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự = 9.178.082 đồng + 1.500.000 đồng phí = 10.678.082 đồng, thu lợi bất chính số tiền **10.678.082 đồng**.

Như vậy, H cho chị L vay với lãi suất 20%/tháng, sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.666%/tháng thì còn 18,334%/tháng, căn cứ Điều 201 Bộ luật Hình sự thì mức lãi suất trên đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự là 8,33%/tháng, mức lãi suất mà H cho vay đối với chị N vượt quá 11.67%/tháng.

3. Người vay P T T X

- Chị X vay của H 01 dây 05 lần, với số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 19/5/2023 chị X vay của H số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 12.500.000 đồng, thu trước 01 ngày 500.000 đồng, thu phí 500.000 đồng. H đã thu đủ 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi của 25 ngày là 2.500.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền (2.500.000 đồng - 136.986 đồng + 500.000 đồng phí = 2.863.014 đồng), số tiền H thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng, lãi suất 30%/tháng.

Lần 2: Vào ngày 30/5/2023 chị X vay H số tiền số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 12.500.000 đồng, thu trước 01 ngày 500.000 đồng, thu phí 500.000 đồng. H đã thu đủ 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi của 25 ngày là 2.500.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền (2.500.000 đồng - 136.986 đồng + 500.000 đồng phí = 2.863.014 đồng), số tiền H thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng, lãi suất 30%/tháng.

Lần 3: Vào ngày 10/6/2023 chị X vay bị cáo H số tiền số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 12.500.000 đồng, thu trước 01 ngày 500.000 đồng, thu phí 500.000 đồng. H đã thu đủ 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi của 25 ngày là 2.500.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền (2.500.000 đồng - 136.986 đồng + 500.000 đồng phí = 2.863.014 đồng), số tiền H thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng, lãi suất 30%/tháng.

Lần 4: Vào ngày 21/6/2023 chị X vay của H số tiền số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), số tiền phải đóng sau khi

kết thúc dây vay là 12.500.000 đồng, thu trước 01 ngày 500.000 đồng, thu phí 500.000 đồng. H đã thu đủ 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi của 25 ngày là 2.500.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền (2.500.000 đồng - 136.986 đồng + 500.000 đồng phí = 2.863.014 đồng), số tiền H thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng, lãi suất 30%/tháng.

Lần 5: Vào ngày 02/7/2023 chị X vay của H số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 12.500.000 đồng, thu trước 01 ngày 500.000 đồng, thu phí 500.000 đồng. Đã thu được 12 ngày số tiền 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi của 12 ngày là 1.200.000 đồng, trừ đi tiền lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền 65.753 đồng, thu lợi bất chính số tiền (1.200.000 đồng - 65.753 đồng + 500.000 đồng phí = 1.634.247 đồng), số tiền đã thu lợi bất chính 1.634.247 đồng. Lãi suất 30%/tháng. Số tiền gốc còn lại chị X chưa trả cho H là 13 ngày x 400.000 đồng = 4.800.000 đồng.

Như vậy, bị cáo H cho chị X vay 01 dây 05 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng, sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.666%/tháng thì còn 28,334%/tháng, căn cứ Điều 201 Bộ luật Hình sự thì mức lãi suất trên đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 8,33%/tháng, mức lãi suất mà H cho vay đối với chị X vượt quá 21.67%/tháng. Thu lợi bất chính tổng số tiền **13.086.303 đồng**.

4. Người vay P T B Đ

Vào ngày 06/5/2023 chị Đ vay H số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng, không thu phí), số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 12.500.000 đồng, chị Đ đã đóng cho H được 8 ngày số tiền 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi của 08 ngày là 800.000 đồng trừ đi tiền lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự là 43.836 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (800.000 đồng - 43.836 đồng = 756.164 đồng).

Như vậy, H cho chị Đ vay với lãi suất 30%/tháng, sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.666%/tháng thì còn 28,334%/tháng, căn cứ Điều 201 Bộ luật Hình sự thì mức lãi suất trên đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 8,33%/tháng, mức lãi suất mà H cho vay đối với chị Đ vượt quá 21.67%/tháng. Thu lợi bất chính số tiền **756.164 đồng.**

5. Người vay T N Đ:

Vào ngày 09/5/2023, anh Đ vay của H số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi 50.000 đồng, thu phí số tiền 500.000 đồng). Đã thu hết

của 25 ngày số tiền 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.250.000 đồng, trừ đi tiền lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (1.250.000 đồng - 68.493 đồng + 500.000 đồng phí = 1.681.507 đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là **1.681.507 đồng.**

Như vậy, H cho anh Đ vay với lãi suất 30%/tháng sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.666%/tháng thì còn 28,334%/tháng, căn cứ Điều 201 Bộ luật Hình sự thì mức lãi suất trên đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 8,33%/tháng, mức lãi suất mà H cho vay đối với anh Đạt vượt quá 21.67%/tháng. Thu lợi bất chính số tiền **1.681.507 đồng.**

6. Người vay H H K

Anh K vay của H 01 dây 02 lần vụ thể như sau:

Dây 01: Vào ngày 04/9/2023 anh K vay H số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả gốc và lãi số tiền 1.000.000 đồng, (trong đó tiền gốc là 800.000 đồng, tiền lãi là 200.00 đồng), thu trước 02 ngày số tiền 2.000.000 đồng và thu phí 1.000.000 đồng. Đã thu được 20 ngày số tiền 20.000.000 đồng, trong đó tiền lãi của 20 ngày là 4.000.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự số tiền 219.178 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (4.000.000 đồng - 219.178 đồng + 1.000.000 đồng phí = 4.780.822 đồng). Số tiền thu lợi bất chính đã thu là **4.780.822 đồng**. Số tiền gốc còn lại anh K chưa trả cho H là 5 ngày x 800.000 đồng = 4.000.000 đồng.

- Dây 02: Ngày 17/9/2023, anh K vay H số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), thu trước 02 ngày số tiền 500.000 đồng, thu phí 250.000 đồng. Số tiền đã thu của 06 ngày là 1.500.000 đồng, trong đó tiền lãi của 06 ngày là 300.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 16.438 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là (300.000 đồng - 16.438 đồng + 250.000 đồng phí = 533.562 đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là **533.562 đồng.** Số tiền gốc còn lại anh K chưa trả cho H là 19 ngày x 200.000 đồng =3.800.000 đồng.

Như vậy, H cho anh K vay 01 dây 02 lần với tổng số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng, sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.666%/tháng thì còn 28,334%/tháng, căn cứ Điều 201 Bộ luật Hình sự thì mức lãi suất trên đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 8,33%/tháng, mức lãi suất mà H cho vay đối với anh K vượt quá 21.67%/tháng. Thu lợi bất chính số tiền **5.314.444 đồng.**

7. Người vay Đ T N

Vào ngày 04/5/2023, chị N vay của H số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 2.000.000 đồng, (trong đó tiền gốc là 1.666.667 đồng, tiền lãi là 333.333 đồng), số tiền phải trả hết khi kết thúc dây

vay là 60.000.000 đồng, H thu trước 03 ngày số tiền 6.000.000 đồng, thu phí 4.000.000 đồng. Đã thu được 24 ngày số tiền 48.000.000 đồng, trong đó tiền lãi của 24 ngày là 8.000.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 657.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (8.000.000 đồng - 657.534 đồng + 4.000.000 đồng phí = 11.342.466 đồng). Số tiền gốc còn lại chị N chưa trả cho H là 06 ngày x 1.666.667 đồng = 10.000.000 đồng.

Như vậy, H cho chị N vay với lãi suất 20%/tháng, sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.666%/tháng thì còn 18,334%/tháng, căn cứ Điều 201 Bộ luật Hình sự thì mức lãi suất trên đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự là 8,33%/tháng, mức lãi suất mà H cho vay đối với chị N vượt quá 11.67%/tháng. Thu lợi bất chính số tiền **11.342.466 đồng**.

8. Người vay H T T T:

Vào ngày 05/9/2023, chị T vay của H số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), H thu trước 02 ngày số tiền 1.000.000 đồng, thu phí 1.000.000 đồng. Đã thu hết dây số tiền 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi của 25 ngày là 2.500.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 136.986 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (2.500.000 đồng - 136.986 đồng + 1.000.000 đồng tiền phí = 3.363.014 đồng).

Như vậy, H cho chị T vay lãi suất 30%/tháng sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.666%/tháng thì còn 28,334%/tháng, căn cứ Điều 201 Bộ luật Hình sự thì mức lãi suất trên đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 8,33%/tháng, mức lãi suất mà H cho vay đối với anh K vượt quá 21.67%/tháng. Thu lợi bất chính số tiền **3.363.014 đồng.**

Tổng số tiền H M H cho 08 người vay là 210.000.000 đồng, với lãi suất dao động từ 20% đến 30%/tháng (tương đương 240%/năm đến 360%/năm), vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu thực tế sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là **47.500.457 đồng.** Tổng số tiền lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thực tế đã thu của người vay là 2.632.877 đồng.

Vật chứng thu giữ, tạm giữ:

- 01 (một) số tờ rơi, giấy trắng, kích thước 14,5cm x 7,5cm, in 02 mặt nội dung "HỖ TRỢ TÀI CHÍNH, % HOA HỒNG CHO NGƯỜI GIỚI THIỆU- 093 867.2100"
- 01 giấy viết tay vay 25.000.000, ký và ghi họ tên H H K.
- 01 giấy viết tay vay 5.000.000 đồng ký và ghi họ tên P T B Đ;
- 01 giấy viết tay vay 60.000.000 đồng ký và ghi họ tên Đ T N.
- 01 giấy mượn viết tay mượn 50.000.000 đồng, ký và ghi họ tên N T P L.

- 01 giấy viết tay vay 10.000.000 đồng, ký và ghi họ tên D T B N;

- 01 giấy viết tay vay 6.2500.000 đồng ký và ghi họ tên T N Đ;

- 01 giấy viết tay vay 10.000.000 đồng, ký và ghi họ tên P T T X;

- 01 giấy viết tay vay 10.00.000 đồng, ký và ghi họ tên H T T T.

- 01 giấy viết tay vay 12.500.000 đồng, ký và ghi họ tên N N; (Địa chỉ 460 THĐ, phường BTĐ, quận B T). Qua xác minh N N S không cư trú tại nơi thường trú.

- 01 giấy viết tay vay 12.500.000 đồng, ký và ghi họ tên N N S; Địa chỉ 213/52 đường LK4 - 5;

- 01 Căn cước Công dân bản chính số 079183029926 tên P T T X; 01 giấy khai sinh tên D N N; 01 (Một) giấy khai sinh tên D N H. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận B T đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị P T T X.

- 01 Căn cước Công dân bản chính số 079083039222 của H H K; 01 giấy đăng ký kết hôn chồng tên H H K, vợ tên Đ T T T; 01 giấy khai sinh tên H C T. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận B T Đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh H H K.

- 01 Chứng minh nhân dân bản chính số 385878633 mang tên N N S; HKTT: Khóm 2, Phường 8, TP. B L, tỉnh B L. H khai N N S trước khi vay tiền ở tại 213/52 đường LK4 - 5, nhưng sau khi vay tiền đã bỏ trốn.

- 01 Căn cước Công dân, bản chính số 079193040607 mang tên N T K T; địa chỉ 365/36/104 H G, P11, Quận 6, TP. H. H khai khi cho T vay tiền tại hẻm 482/25 TL10, phường Tân Tạo, quận B T, nhưng sau khi vay tiền đã bỏ trốn. Qua xác minh N T K T không cư trú tại nơi thường trú và tạm trú.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI 35375125583192, gắn simcard số 0938672100 (in trong tờ rơi cho vay); 01 điện thoại di động Nokia 105, màu xanh dương, không có nắp sau, số IMEI 353161119753658; 01 điện thoại di động Nokia 105, màu xanh dương, không có nắp sau, số IMEI1 353147114587993, số IMEI2 353147119587998 (Không gắn sim), đã qua sử dụng, bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B T bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các người vay cùng các chứng cứ khác của vụ án.

Tại bản cáo trạng số 80/QĐ-VKS ngày 13/3/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận B T truy tố bị cáo H M H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B T sau khi phân tích nội dung vụ án, phân tích chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết định tội, định

khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội ít nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 201 điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo H M H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Buộc bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính mà đã thu của những người đi vay

Đối với số tiền vốn mà bị cáo bỏ ra cho vay, người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo và số tiền bị cáo đã thu đủ của những người đi vay là phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử buộc những người đi vay và bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền cho vay phù hợp với lãi suất theo qui định là 2.632.877 đồng đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax màu tím, có số imei: 35375125583192, gắn simcard 0938672100 (in trong tờ rơi cho vay), tình trạng đã qua sử dụng;

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Nokia 105 màu xanh dương, không có nắp sau, số imei 353161119753658, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Nokia105, màu xanh dương, không có nắp sau số IMEI 1 353147114587993, số IMEI 2 353147119587998 không gắn sim đã qua sử dụng

Đối với 01 CMND bản chính số 385878633 mang tên N N S; 01 căn cước công dân bản chính số 079193040607 N T K T đề nghị trả lại cho ông S và bà T.

Đối với những tờ rơi bị có bị cáo dùng để cho vay tiền đề nghị tịch thu và lưu hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Trong quá trình điều tra truy tố bị cáo H M H Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận B T, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận B T được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến kH nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, cùng với các tài

liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để kết luận hành vi của bị cáo H M H đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, nó mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền phải lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng thậm chí còn có thể phải bán tài sản nhà cửa để trả nợ…Ngoài ra, còn mang đến những hậu quả khó lường khác làm ảnh hưởng đến sức khỏe nhân phẩm, danh dự của con người và những thiệt hại khác về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội…mà trực tiếp là người đi vay phải chịu lãi suất quá cao dẫn đến mất khả năng chi trả. Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Mặc dù bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, là gây thiệt hại cho người vay bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng chỉ vì động cơ tư lợi muốn có tiền để tiêu xài mà không phải thông qua lao động chân chính, bị cáo đã lợi dụng những người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp để giải quyết một số việc trong cuộc sống để ép những người vay tiền phải chịu mức lãi suất thật cao. Bị cáo đã ngang nhiên thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra thể hiện ý thức bị cáo rất xem thường pháp luật, nên việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết để răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Do bị cáo đã có hành vi cho 08 người vay tiền. Tổng số tiền bị cáo cho 08 người vay là 210.000.000 đồng, với lãi suất dao động từ 20% đến 30%/tháng (tương đương 240%/năm đến 360%/năm), vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu thực tế sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là **47.500.457 đồng.** Tổng số tiền lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thực tế đã thu của người vay là 2.632.877 đồng. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận B T truy bố bị cáo theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo : Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo qui định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ người bị kết án phải bị khấu trừ thu nhập từ 5 đến 20%, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh bị cáo khó khăn hiện nay không có công việc ổn định nên không cần thiết phải áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo nhưng cần buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu

của Chính quyền địa phương và phải thực hiện nghĩa vụ theo qui định tại Luật thi hành án hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự : Đối với số tiền lãi mà bị cáo đã thu cao hơn qui định của Bộ luật dân sự đối với bà D T B N là 1.278.535 đồng; bà Nguyễn Thị L Phương 10.678.082 đồng; bà P T T X là 13.086.303 đồng; bà P T B Đ số tiền 756.164; ông T N Đ là 1.681.507 đồng; ông H H K là 5.314.444 đồng; bà Đ T N là 11.342.466 đồng; bà H T T T là 3.363.014 đồng là tiền thu lợi bất chính cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người đi vay.

Đối với số tiền vốn mà bị cáo dùng để cho vay là 175.166.662 đồng sau khi được cấn trừ số tiền mà người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo là phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền của bị cáo cho vay mà người đi vay chưa trả hết cho bị cáo đây là phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định buộc những người đi vay phải có nghĩa vụ nộp lại để sung quỹ Nhà nước cụ thể như sau:

Buộc bà D T B N nộp lại số tiền gốc mà bà chưa đóng đủ cho bị cáo H là 5.833.333 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bà P T T X nộp lại số tiền gốc mà bà chưa đóng đủ cho bị cáo H là 4.800.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bà P T B Đ nộp lại số tiền gốc mà bị cáo H cho vay chưa trả là 6.400.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc ông H H K nộp lại số tiền gốc mà bị cáo H cho vay chưa trả là 7.800.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bà Đ T N nộp lại số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc mà bị cáo H cho vay chưa trả để sung quỹ Nhà nước.

Đối với và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự là 2.650.875 đồng. Đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, đồng thời hoạt động cho vay lãi nặng thường gắn với các băng nhóm tội phạm. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước khoản tiền này.

[6] Về vật chứng vụ án : Đối với 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax màu tím, có số imei: 35375125583192, gắn sim 0938672100 (in trong tờ rơi cho vay), tình trạng đã qua sử dụng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia 105 màu xanh dương, không có nắp sau, số imei: 353161119753658, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Nokia105, màu xanh dương, không có nắp sau số IMEI 1 353147114587993, số IMEI 2 353147119587998 không gắn sim đã qua sử dụng là tư vật của bị cáo Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 CMND bản chính số 385878633 mang tên N N S; 01 căn cước công dân bản chính số 079193040607 mang tên N T K T Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho ông S và bà T.

[7]Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án quyết định phạt bổ sung bị cáo số tiền 40 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

[8]Về án phí hình sự sơ thẩm : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 201; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo H M H 01(một) năm 06(sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L N, tỉnh H N nhận được Quyết định thi hành bản án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo H M H về cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L N, tỉnh H N nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo H M H thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo qui định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Buộc bị cáo H M H phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và thực hiện nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho bà D T B N số tiền 1.278.535 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Thị L Phương số tiền 10.678.082 đồng; trả lại cho bà P T T X số tiền 13.086.303 đồng; trả lại cho bà P T B Đ số tiền 756.164; trả lại cho ông T N Đ số tiền 1.681.507 đồng; trả lại cho ông H H K là 5.314.384 đồng; trả lại cho bà Đ T N là 11.342.466 đồng; trả lại cho bà H T T T số tiền 3.363.014 đồng. Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không trả số tiền nêu trên thì bị cáo phải chịu thêm khoản tiền lãi, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ điểm a Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo nộp lại số tiền 175.116.662 và số tiền 2.632.877 đồng để sung quỹ Nhà nước

Buộc bà D T B N nộp lại số tiền 5.833.338 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bà P T T X nộp lại số tiền 4.800.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bà P T B Đ nộp lại số tiền 6.400.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc ông H H K nộp lại số tiền 7.800.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bà Đ T N nộp lại số tiền 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax màu tím, có số imei: 35375125583192, gắn sim 0938672100 (in trong tờ rơi cho vay), tình trạng đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Nokia 105 màu xanh dương, không có nắp sau, số imei: 353161119753658, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Nokia105, màu xanh dương, không có nắp sau số IMEI 1 353147114587993, số IMEI 2 353147119587998 không gắn sim đã qua sử dụng.

Trả lại cho ông N N S 01 CMND bản chính số 385878633 mang tên N N S; Trả lại cho bà N T K T 01 căn cước công dân bản chính số 079193040607 mang tên N T K T (Theo pH nhập kho vật chứng số NK24/121TAM ngày 14/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận B T)

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo H M H nộp phạt bổ sung 40.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm 2.360.000 nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục thi hành án quận B T;
- Công an quận B T;
- Viện kiểm sát quận B T;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- PC27 công an TPHCM;
- THA hình sự;
- Lưu.

Nguyễn X Tín

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn X Tín